

TIẾT 37-38

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Thời gian thực hiện: 02 tiết

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

- HS khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong 8 tuần đầu học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu văn bản, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt ở các bài 1, bài 2, bài 3:

a. Đọc hiểu văn bản:

+ Phát biểu được đặc điểm của các thể loại đã học trong 8 tuần học kì I: Truyện truyền kì (bài 1); thơ song thất lục bát (bài 2) và văn bản thơ song thất lục bát (bài 3).

+ Liên hệ, mở rộng: thực hành làm một số bài tập vận dụng.

b. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên); viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát).

c. Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên); thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học).

d. Tiếng Việt: Ôn tập về điển tích, điển cố; một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn và cách phân biệt; biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần; chữ Nôm và chữ quốc ngữ.

- HS vận dụng kiến thức để tự đánh giá kết quả học tập giữa học kì I.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng sự sáng tạo và di sản văn học nghệ thuật của người xưa.

- Trân trọng những đóng góp của cá nhân đối với đất nước, quê hương và có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

- Biết yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm hồn con người; trân trọng sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video...

2. Vũ Thị Hoàn, sdt 0973852313. Địa chỉ: Trường THCS Thị trấn Mường Ảng

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mục tiêu: Giúp HS ôn tập kiến thức 8 tuần học kì I.

1. Tổ chức thực hiện.

CUỘC THI: ĐƯỜNG LÊN ĐỈNH OLIMPIA

1. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- **GV chia lớp làm 4 đội thi.** Mỗi đội được phát một bảng ghi và 1 bút dạ. Thành viên các đội phải tự chuẩn bị giấy bút để thảo luận. Mỗi đội sẽ cử một đội trưởng giờ đáp án.

- **Người dẫn chương trình kiêm thư kí:** Giáo viên

(GV có thể cử một học sinh trong lớp làm thư kí)

- **GV phổ biến thể lệ cuộc thi như sau:** Cuộc thi gồm 4 phần:

+ Phần 1: Khởi động gồm 5 câu hỏi chọn đáp án Đúng hoặc Sai. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 1,0 điểm.

+ Phần 2: Vượt chướng ngại vật: Gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu trả lời đúng sẽ được 2,0 điểm.

+ Phần 3. Tăng tốc: 10 câu hỏi điền khuyết, mỗi câu trả lời đúng sẽ được 4,0 điểm.

+ Phần 4. Về đích: Gồm 01 câu hỏi tự luận với số điểm tối đa là 30,0 điểm.

Đội nào có số điểm cao nhất sẽ là đội thắng cuộc và giành được vòng nguyệt quế của cuộc

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

thi.

2. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận

- HS tham gia trò chơi: Các đội chính thức bước vào các phần thi.
- GV dẫn chương trình, quan sát, khích lệ.

Phần 1. KHỞI ĐỘNG

***Luật chơi:** Phần này gồm 10 câu hỏi, thí sinh chọn đáp án đúng hoặc sai. Mỗi câu có thời gian suy nghĩ và trả lời là 20 giây. Hết 10 giây, đại diện các nhóm giơ bảng có đáp án: Đúng hoặc Sai

***Hệ thống câu hỏi:**

Câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Đáp án
1	Truyện truyền kì có cốt truyện chủ yếu mô phỏng cốt truyện dân gian hoặc dã sử; mượn từ truyện truyền kì Trung Quốc. Đúng hay sai?	Đúng
2	<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> là truyện mở đầu của tập <i>Truyện kì mạn lục</i> (Nguyễn Dữ). Đúng hay sai?	Sai (truyện thứ 16 trong số 20 truyện)
3	Trong thể thơ song thất lục bát, vần chân được gieo ở cuối tất cả các câu thơ. Đúng hay sai?	Đúng
4	<i>Điệp thanh</i> là biện pháp tu từ lặp lại thanh điệu nhằm mục đích tạo nên nhạc tính, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho văn bản. Đúng hay sai?	Đúng
5	Bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i> (Bích Khê) đã tái hiện vẻ đẹp tinh tế của bức tranh mưa mùa hạ. Đúng hay sai?	Sai (bức tranh mưa mùa xuân)
6	Cốt truyện của truyện thơ Nôm thường xây dựng theo mô hình với ba phần cơ bản: <i>Chia li</i> - <i>Gặp gỡ</i> - <i>Đoàn tụ</i> . Đúng hay sai?	Sai. (mô hình 3 phần: <i>Gặp gỡ</i> - <i>Chia li</i> – <i>Đoàn tụ</i>)
7	Câu vãn “ <i>Hổ mang bò lên núi.</i> ” sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ. Đúng hay sai?	Đúng
8	Nghị luận về một tác phẩm thơ song thất lục bát là làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Đúng hay sai?	Đúng
9	<i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du) tiếp thu nguồn cốt truyện của văn học dân gian.	Sai (<i>Truyện Kiều</i> được sáng tạo dựa trên tiểu thuyết <i>Kim Vân Kiều truyện</i> của Trung Quốc).
10	Khi trình bày bài nói, HS cần phối hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện phi ngôn ngữ.	Đúng

Phần 2. VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT

***Luật chơi:** Phần này có 10 câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian suy nghĩ và trả lời là 10 giây. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 2,0 điểm.

***Hệ thống câu hỏi:**

Câu 1. Nhận định nào sau đây nói đúng về truyện truyền kì?

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

- A. Là những truyện kể về các sự việc hoàn toàn có thật
- B. Là những truyện kể có sự đan xen giữa những yếu tố có thật và yếu tố hoang đường
- C. Là những truyện kể về các sự việc hoàn toàn do tác giả tưởng tượng ra.
- D. Là những truyện kể về các nhân vật lịch sử.

Câu 2. Tác phẩm nào được đánh giá là áng “thiên cổ kì bút”?

- A. *Truyện kì mạn lục* (Nguyễn Dữ)
- B. *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu)
- C. *Truyện Kiều* (Nguyễn Du)
- D. *Chinh phụ ngâm khúc* (Đặng Trần Côn)

Câu 3. Tác dụng của diễn tích, diễn cổ là gì?

- A. Làm cho câu văn, câu thơ thêm hài hước, thú vị.
- B. Làm cho câu văn, câu thơ cô đúc, hàm súc, uyên bác, giữ cho lời văn sự trang nhã.
- C. Làm cho câu văn, câu thơ thêm hình ảnh, gợi cảm.
- D. Làm cho câu văn, câu thơ cô đúc, tránh nói thẳng những điều thô tục, sỗ sàng, giữ cho lời văn sự trang nhã.

Câu 4. Trong tiếng Việt, yếu tố đồng âm gốc Hán có đặc điểm gì?

- A. Có ý nghĩa giống nhau. Có cách viết khác nhau.
- B. Hầu hết được viết giống nhau.
- C. Đều có ý nghĩa đối lập nhau.

Câu 5. Đâu là nghệ thuật nổi bật trong văn bản *Nỗi niềm chinh phụ* (trích *Chinh phụ ngâm*)?

- A. Yếu tố hoang đường, kì ảo.
- B. Miêu tả tâm lí nhân vật.
- C. Ước lệ, tượng trưng.
- D. Tạo tình huống bất ngờ.

Câu 6. Đâu không phải cách chơi chữ thường gặp?

- A. Dùng lối nói khoa trương, phóng đại.
- B. Dùng lối nói lái.
- C. Dùng từ trái nghĩa.
- D. Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa

Câu 7. Nhân vật trong truyện thơ Nôm có đặc điểm gì?

- A. Những cô gái, chàng trai có nhiều sự thiếu sót, mắc sai lầm sau đó mới trưởng thành và hoàn thiện bản thân.
- B. Những cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện nhưng cuộc sống thường gặp nhiều trắc trở, gian nan.
- C. Những cô gái, chàng trai tuy ngoại hình có nhiều khiếm khuyết nhưng tâm hồn thanh cao, trong sáng.
- D. Những cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện, gặp nhiều may mắn, hạnh phúc trong cuộc sống.

Câu 8. Giá trị nhân đạo của *Truyện Kiều* là gì?

- A. Phản ánh hiện thực xã hội phong kiến nơi mà đồng tiền và cái ác “lên ngôi”.
- B. Tố cáo những thế lực xấu xa chà đạp lên quyền sống của con người.
- C. Bày tỏ nỗi xót thương, đồng cảm với những số phận bi kịch.
- D. Tái hiện những nét đẹp truyền thống văn hóa của dân tộc.

Câu 9. *Truyện Lục Vân Tiên* có giá trị nhân đạo là gì?

- A. Lên án những kẻ bất nhân, phi nghĩa, tráo trở.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

B. Ngợi ca tình yêu lứa đôi mặn nồng, thủy chung.

C. Lên án chế độ phong kiến hà khắc.

D. Ngợi ca những con người hiếu thảo, nhân hậu, thủy chung, nghĩa khí.

Câu 10. Chữ Nôm có vai trò như thế nào?

A. Bảo tồn nhiều dữ liệu lịch sử của dân tộc.

B. Bảo tồn được nhiều chứng tích của tiếng Việt cổ xưa.

C. Bảo tồn nhiều nét văn hóa cổ xưa của người Việt.

D. Bảo tồn được nhiều kinh nghiệm quý giá của ông cha.

PHẦN 3. TĂNG TỐC

***Luật chơi:** Phần này gồm 10 câu hỏi điền khuyết. Thời gian suy nghĩ và đưa ra đáp án là 10 giây. Mỗi câu điền đúng (vào dấu ba chấm) sẽ được 4,0 điểm. Nếu câu có hai chỗ trống, điền đúng 1 chỗ trống sẽ được 2,0 điểm.

*Hệ thống câu hỏi:

Câu hỏi	Đáp án
Câu 1. Truyện truyền kì là thể loại văn xuôi tự sự, phát triển mạnh mẽ từ thời ...(1), dùng ...(2) làm phương thức nghệ thuật để phản ánh đời sống.	(1) trung đại, (2) yếu tố kì ảo
Câu 2. Không gian trong truyện truyền kì có sự pha trộn cõi trần, cõi âm, ...(1); các hình thức không gian này không tồn tại tách biệt mà ...(2) với nhau.	(1) cõi tiên (2) liên thông
Câu 3. <i>Dế chọi</i> là tác phẩm truyện truyền kì của...(1), trích trong tập ...(2).	(1) Bồ Tùng Linh (2) <i>Liêu trai chí dị</i>
Câu 4. Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, HS cần triển khai hệ thống...(1) để thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề; đề xuất được...(2) có tính khả thi để giải quyết vấn đề.	(1) luận điểm (2) giải pháp
Câu 5. Điệp văn là biện pháp tu từ ngữ âm, sử dụng những ...(1) có vần giống nhau, nhằm tạo ra sự ...(2) về âm hưởng, tăng tính nhạc để biểu đạt cảm xúc của người viết (người nói), đồng thời gây ấn tượng thẩm mĩ cho người đọc (người nghe).	(1) âm tiết (2) trùng điệp
Câu 6. Bài thơ “ <i>Tiếng đàn mưa</i> ” là tác phẩm tiêu biểu của...(1), được làm theo thể thơ...(2).	(1) Bích Khê (2) song thất lục bát
Câu 7. <i>Cung oán ngâm khúc</i> là khúc ngâm tiêu biểu của ...(1), kể về nỗi ai oán của ...(2) tài sắc lúc đầu được nhà vua sủng ái, nhưng chẳng bao lâu đã bị lạnh nhạt.	(1) Nguyễn Gia Thiều (2) người cung nữ
Câu 8: Bản dịch <i>Chinh phụ ngâm</i> gồm...(1) câu thơ song thất lục bát, thể hiện nỗi lòng của ...(2) có chồng đi lính.	(1) 408 (2) người vợ/ người chinh phụ
Câu 9. Chữ Nôm là chữ viết cổ dùng để ghi âm...(1), được ông cha ta sáng tạo dựa theo kí hiệu ...(2).	(1) tiếng Việt (2) văn tự Hán

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

Câu 10. Chữ quốc ngữ là chữ viết dùng chữ cái...(1) để ghi âm tiếng Việt. Chữ quốc ngữ được hình thành từ đầu thế kỉ XVII, đến đầu thế kỉ...(2) đã trở thành văn tự chính thức của quốc gia.	(1) Latinh (2) XX
---	----------------------

PHẦN 4. VỀ ĐÍCH

***Luật chơi:** Phần thi này sẽ thử tài hùng biện của các nhóm.

- GV đưa ra 01 chủ đề thuyết trình, các nhóm suy nghĩ, thảo luận trong thời gian 5 phút và đưa ra dàn ý của bài thuyết trình.

- Các nhóm lần lượt cử đại diện lên, thuyết trình về sản phẩm học tập của nhóm mình.

- Điểm tối đa cho phần thi hùng biện ở phần Về đích này là 30 điểm.

***Chủ đề thuyết trình nhóm:** Với chủ đề “**Tuổi trẻ với vấn đề môi trường**”, các bạn sẽ thuyết trình về một sự việc có tính thời sự thể hiện trách nhiệm của con người trong mối quan hệ với địa phương. (Có thể giao đề tài trước cho HS chuẩn bị ở nhà)

Gợi ý dàn ý

I. Mở đầu: Giới thiệu sự việc được trình bày

II. Nội dung chính: Bám sát dàn ý để trình bày nội dung theo trật tự hợp lí, giúp người nghe dễ theo dõi, nắm bắt ý kiến.

- *Bản chất của sự việc là gì?*

- *Sự việc có ảnh hưởng gì đến cuộc sống con người và sự phát triển của xã hội?*

- *Có ý kiến trái chiều nào về sự việc cần tranh luận, bác bỏ?*

- *Cần có những giải pháp nào cho sự việc?*

- *Cần có hành động gì trước thực trạng đang diễn ra?*

III. Kết thúc: Nêu ý nghĩa của sự việc đã trình bày, liên hệ trách nhiệm của mỗi người

***GV đưa ra Rubrics đánh giá bài thuyết trình phần Về đích của các nhóm:**

RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ			
Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)			
Người nói:			
Người nhận xét:			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Nội dung bài nói đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục (5 điểm)	Nội dung sơ sài, chưa nêu rõ được các khía cạnh của sự việc. (1 – 2 điểm)	Đã nêu được một số khía cạnh của sự việc; có nêu được đánh giá của bản thân nhưng chưa sâu sắc. (3 – 4 điểm)	Nội dung đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục; có những đánh giá sâu sắc về sự việc. (5 điểm)
2. Phong thái tự tin (2 điểm)	Còn rụt rè, chưa tương tác với người nghe. (0.5 điểm)	Đã mạnh dạn trình bày nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên; thiếu tương tác với người nghe. (1 điểm)	Tự tin khi trình bày; tương tác tốt với người nghe. (2 điểm)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9

3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm (1 điểm)	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. (0 điểm)	Nói to, nhưng đôi chỗ còn lặp lại hoặc ngập ngừng. (0.5 điểm)	Nói to, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. (1 điểm)
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp (<i>tranh ảnh, video,...</i>) (1 điểm)	Không sử dụng các phương tiện hỗ trợ. (0 điểm)	Đã sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ, minh họa nhưng chưa hiệu quả. (0.5 điểm)	Sử dụng các phương tiện hỗ trợ, minh họa có hiệu quả cao. (1 điểm)
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí (1 điểm)	Không chào hỏi và/hoặc không có lời kết thúc bài nói. (0 điểm)	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói nhưng chưa ấn tượng. (0.5 điểm)	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng. (1 điểm)
Điểm			
TỔNG ĐIỂM			

3. Bước 3: Đánh giá, kết luận

- Thư kí tổng hợp số điểm của từng đội và công bố đội có số điểm cao nhất.
- Khen ngợi, trao vòng nguyệt quế (có thể tự làm) và trao quà cho đội thắng cuộc.
- Các đội còn lại cũng nhận quà từ GV (theo thứ tự Nhì, Ba, KK)
- Thời gian còn lại, GV có thể nhấn mạnh một số nội dung HS cần nắm vững trước khi kiểm tra, đánh giá 8 tuần HKI.

***GV giao bài tập về nhà:**

Đề bài: Phân tích đoạn trích sau:

245. Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,
Đoá hồng đào hái buổi còn xanh.
Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
Gối du tiên hây rành rành song song.
Bây giờ đã ra lòng rẻ rúng,
250. Để thân này cỏ úng tơ mảnh.
Đông quân⁽¹⁾ sao khéo bắt tình,
Cành hoa tàn nguyệt, bực mình hoài xuân⁽²⁾.
Nào lúc tựa lầu Tần⁽³⁾ hôm nọ,
Cành liễu mảnh bẻ thuở đương tơ.
255. Khi trướng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân y⁽⁴⁾ hây sò sò dấu phong.
Bây giờ đã ra lòng ruồng rẫy,
Để thân này nước chảy hoa trôi.
Hoá công sao khéo trêu người?
260. Bóng đèn tà nguyệt tẻ mùi ký sinh.
Cành hoa lạc nguyệt mình⁽⁵⁾ hôm ấy,

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9

*Lửa hoàng hôn như cháy tấm son.
Hoàng hôn thôi lại hôn hoàng,
Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa!*

(Trích *Cung oán ngâm khúc*, Nguyễn Gia Thiều,
Những khúc ngâm chọn lọc, tập I, NXB Giáo dục, 1994)

Chú thích:

(¹) *Đông quân*: ở đây chỉ vua.

(²) *Hoài xuân*: nhớ tình xuân.

(³) *Lầu Tàn*: chỉ nơi phong lưu, dư giả.

(⁴) *Xuân y*: Chỉ áo đẹp, hoặc áo châu triều của các quan và các phi, tần trong cung cấm.

(⁵) *Hoa lạc nguyệt minh*: Cảnh hoa rụng trăng mờ tối. **Gợi ý dàn ý**

I. Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận:

Văn học trung đại giai đoạn từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX đã thể hiện sâu sắc giá trị nhân đạo, đó là tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc của người phụ nữ. Cảm thương cho số phận của người cung nữ tài sắc, từng được vua sủng ái, sau bị lạnh nhạt, Nguyễn Gia Thiều đã viết nên “Cung oán ngâm”. Nỗi lòng của người cung nữ phần nào được thể hiện qua đoạn trích sau:

Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái

[...]

Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa!

II. Thân bài

- Khái quát:

+ Nguyễn Gia Thiều là một tài năng đa dạng, nổi tiếng là người thông minh học rộng, văn võ toàn tài.

+ Tác phẩm *Cung oán ngâm khúc* dài 356 câu song thất lục bát. *Tác phẩm* là bài ca ai oán của người cung nữ có tài sắc, được vua yêu chuộng, nhưng chẳng bao lâu bị ruồng bỏ. Ở trong cung, nàng xót thương cho thân phận của mình và oán trách nhà vua phụ bạc. Qua khúc ngâm, tác giả còn gửi gắm quan niệm của mình về cuộc đời bạc bẽo, phù du.

+ Đoạn trích từ câu 245 đến câu 264 đã thể hiện rõ nỗi lòng cô đơn cùng nỗi than thân xót phận của người cung nữ.

- Phân tích đoạn trích:

Luận điểm 1: Phân tích nội dung chủ đề của đoạn trích

Cả đoạn trích là nỗi thương thân trách phận của người cung nữ khi bị vua bỏ rơi.

Nàng đối sánh giữa hiện tại và quá khứ để nhận ra bị kịch của mình.

++ Bút pháp tả cảnh ngụ tình kết hợp ẩn dụ đã tái hiện những kí ức đẹp đẽ của người cung nữ khi còn được vua sủng ái “buổi còn xanh”:

*Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,
Đoá hồng đào hái buổi còn xanh.
Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
Gối du tiên hây rành rành song song*

Hay:

*Nào lúc tựa lầu Tần⁽³⁾ hôm nọ,
Cành liễu mảnh bẻ thuở đương tơ.
255. Khi trưởng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân y⁽⁴⁾ hây sờ sờ dẫu phong.*

++ Phép điệp cấu trúc “Nào...” người cung nữ như đang điềm lại trong trí nhớ từng kỉ niệm thừa măn nong khi được vua yêu chiều, sủng ái. Những kí ức đó tưởng như mới hôm qua, vẫn còn in dấu nơi rõ nét, “rành rành” nơi không gian sống của người cung nữ từng lối đi, gác lầu, song cửa,... Nhớ về quá khứ càng khiến cho người cung nữ thêm xót xa khi đối sánh quá khứ với hiện tại.

++ Quay trở về hiện tại, người cung nữ oán trách nhà vua phụ bạc. Điệp cấu trúc câu “*Bây giờ đã ra lòng rẽ rúng*”, “*Bây giờ đã ra lòng ruồng rẫy*”, người cung nữ hiểu ra nguyên nhân và kẻ đã gây ra bị kịch của cuộc đời mình. Nàng hiểu rõ hoàn cảnh bi đát của bản thân ở thực tại: *thân này cỏ úng tơ mảnh, thân này nước chảy hoa trôi*. Nàng rơi vào cảm xúc bi quan, tuyệt vọng khi nghĩ đến những chuỗi ngày nặng nề sống trong mõi mòn, đau khổ, cô đơn khi

bị vua lạnh nhạt.

++ Hai câu cuối đoạn trích biểu đạt nỗi tuyệt vọng trước sự éo le của số phận của nhân vật trữ tình khi phải sống trong cảnh cô đơn, mất tự do.

Luận điểm 2: Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

+ Thể thơ song thất lục bát uyển chuyển, nhịp nhàng, mềm mại

+ Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình điêu luyện, đạt đến mức tài hoa: Qua việc miêu tả cảnh vật trong cung quế, nhà thơ gián tiếp miêu tả tâm trạng của người cung nữ.

+ Biện pháp tu từ được kết hợp hài hòa: phép điệp cấu trúc, câu hỏi tu từ, so sánh,...

+ Nghệ thuật dùng từ đặc sắc, giàu biểu cảm, giàu nhạc tính.

- Đánh giá, liên hệ, mở rộng:

+ Đoạn trích nói lên nỗi lòng của người cung nữ bị bỏ rơi, chôn vùi tuổi xuân trong lòng son gác tía. Tác giả Nguyễn Gia Thiều không chỉ đồng cảm với số phận của người cung nữ, mà

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

còn tố cáo về tội ác của vua chúa thời xưa. Thông qua đoạn trích này, tác giả bày tỏ tâm lòng nhân đạo của mình khi đòi hỏi quyền sống và hạnh phúc cho phụ nữ.

+ Liên hệ mở rộng.

III. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa và giá trị của đoạn trích

Tiết 39-40: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

* **Năng lực đặc thù:** Đánh giá năng lực văn học (đọc, viết) và năng lực ngôn ngữ đáp ứng mục tiêu chương trình đặt ra trong các bài học 1, 2, 3.

a. Đọc hiểu văn bản: Truyện truyền kì (bài 1); thơ STLB (bài 2) và truyện thơ Nôm (bài 3).

b. Tiếng Việt: Ôn tập về điển cố, điển tích; một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn; biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần; có một số hiểu biết về chữ Nôm, chữ quốc ngữ.

c. Viết: Viết bài văn về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên); Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát).

* **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo khi làm bài kiểm tra để đạt hiệu quả.

2. Phẩm chất: Học sinh trung thực trong quá trình làm bài.

II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

Đề kiểm tra theo ma trận.

III. TỔ CHỨC DẠY HỌC

GV nêu yêu cầu kiểm tra.

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

HOẠT ĐỘNG 2: KIỂM TRA

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV phát đề, yêu cầu HS làm bài nghiêm túc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh nhận đề làm bài – Giáo viên giám sát quá trình làm bài của học sinh.

Bước 3: Báo cáo kết quả HS nộp bài cho giáo viên.

Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá, kết luận ý thức làm bài của học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Cc sinh chuẩn bị cho bài học phần Viết bài 3.

- Chuẩn bị bài theo yêu cầu phần chuẩn bị.

IV. PHỤ LỤC

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

I. Hình thức: Tự luận

II. Thời gian: 90 phút

III. Bảng năng lực và cấp độ tư duy

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu thơ Song thất lục bát	Đọc hiểu văn bản thơ song thất lục bát	2	1	1		4 40%

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9

2	Viết	1. Viết một đoạn văn nghị luận khoảng 150 chữ phân tích 1 khổ thơ trong một tác phẩm văn học (Thơ song thất lục bát) 2. Viết bài văn NLXH về vấn đề thi	1*	1*	1*	1*TL	6 60%
Tỉ lệ %			30	25	25	20	100

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu văn bản thơ Song thất lục bát	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, và nêu dấu hiệu nhận biết thể thơ của bài thơ - Nhận biết được cảm hứng chủ đạo của bài thơ Thông hiểu: - Hiểu được giá trị của biện pháp tu từ. Vận dụng: Rút ra được bài học ý nghĩa và giải thích	2	1	1		4
		1. Viết một đoạn văn nghị luận khoảng 150 chữ phân tích 1 khổ thơ trong một tác phẩm văn học (Thơ song thất lục bát)	Nhận biết: - Giới thiệu được tên tác phẩm, tác giả, thể loại,... của tác phẩm, dẫn được khổ thơ đầu Thông hiểu: - Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của khổ thơ. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học, thông điệp rút ra từ tác phẩm. Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.	1*	1*	1*	1TL*	1

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9

2	LÀM VĂN	2. Viết văn bản nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết	Nhận biết:- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được cụ thể vấn đề cần giải quyết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu:- Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến vấn đề cần giải quyết. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.					
			- Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự	1*	1*	1*	1TL*	1
Tổ ng		2ĐH 2V*	1ĐH, 2V*	1ĐH 2V*	2V*	4ĐH 2TL*		6
Tỉ l%		30	25	25	20	100		

ĐỀ BÀI

Ghi chú: Phần viết có 02 câu bao hàm cả 4 cấp độ

ĐỀ KIỂM TRA NGŨ VĂN 9

(Thời gian: 90 phút)

Phần I: Đọc - hiểu (4 điểm) Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Ân dưỡng đức suốt đời ghi tạc

Nghĩa sinh thành nguyện khắc trong tâm

Nắng mưa cha mẹ dãi dầm

Nuôi con khôn lớn âm thầm chở che

Quê mình đó bờ tre khóm trúc

Vẫn bên con những lúc dặm trường

Trong con mãi một tình thương

Ởn cha nghĩa mẹ quê hương xóm nghèo

Mùa thu đến mưa heo gió bắc

Cha có tròn được giấc ngủ say

Mẹ ăn uống có đủ đầy

Mặc có đủ ấm những ngày lạnh căm

Con vẫn mãi âm thầm nguyện ước

GV: ĐINH THỊ THU HƯƠNG

TRƯỜNG THCS YÊN NHÂN

PHẦN ĐỌC HIỂU	1	Xác định thể thơ hoặc nhịp của bài thơ?	Điểm
		- Thể thơ: song thất lục bát - Kết hợp đan xen từng cặp câu 7 tiếng (song thất) với từng cặp câu 6 và 8 tiếng (lục bát).	0,5đ 0,5đ
	2	Cảm xúc bao trùm toàn bài thơ “Đạo hiếu chưa tròn” là gì?	
		- Là lòng biết ơn công sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ và sự ngậm ngùi, nuôi tiếc khi chưa làm tròn chữ hiếu của người con. (đủ cả 2 ý 1 điểm)	1đ
	3	Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau <i>Nắng mưa cha mẹ dãi dầm Nuôi con khôn lớn âm thầm chở che</i>	
		- Biện pháp tu từ ẩn dụ. “Nắng mưa” để chỉ những khó khăn vất vả - Tác dụng. + Tăng sức gợi hình gợi cảm cho lời thơ + Nhấn mạnh những nhọc nhằn gian lao vất vả mà cha mẹ đã trải qua để nuôi con khôn lớn trưởng thành. Ca ngợi tình yêu thương đức hy sinh của cha mẹ. Nhấn nhủ mỗi chúng ta phải luôn biết ơn, yêu thương kính trọng cha mẹ	0,25đ 0,75đ
	4	Từ bài thơ trên, em rút ra được bài học gì?	
		- Chúng ta cần ghi nhớ, biết ơn công lao trời biển của bậc sinh thành. - Luôn lễ phép, tôn trọng, chăm sóc ông bà, cha mẹ khi còn có thể. - Lên án, phê phán mạnh mẽ lối sống bất kính, bất hiếu. - (Nếu được 2 ý cho 1 điểm) Đó là đạo hiếu là người	0,5đ 0,5đ
	VIẾT		
	II		6,0
	1	Viết đoạn văn khoảng 150 chữ phân tích khổ đầu (4 câu đầu) bài thơ “ Đạo hiếu chưa tròn” của tác giả Hoàng Mai	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Đoạn thơ là lòng biết ơn công lao của cha mẹ. Đây là một thông điệp sâu sắc về lòng hiếu thảo	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề: Đoạn trích (Đạo hiếu chưa tròn – Hoàng Mai) đã thể hiện thật đẹp lòng biết ơn của con cái với cha mẹ.. - Thể hiện quan điểm của người viết. Có thể theo một số gợi ý sau:	0,5

Cha mẹ già luôn được bình an
Mùa về tháng bảy vu lan
Chưa tròn đạo hiếu trách thân tui hờn.

(Đạo hiếu chưa tròn – Hoàng Mai)

Câu 1(1 điểm): Xác định thể thơ và nêu dấu hiệu nhận biết thể thơ của bài thơ trên.

Câu 2 (1 điểm): Cảm xúc bao trùm toàn bài thơ “Đạo hiếu chưa tròn” là gì?

Câu 3(1 điểm): Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau

Nắng mưa cha mẹ dãi dầm

GV: ĐINH THỊ THU HƯƠNG

TRƯỜNG THCS YÊN NHÂN

	Con coi ơn dưỡng dục, nghĩa sinh thành của cha mẹ vô cùng lớn lao “ suốt đời ghi tạc”, “ nguyên khắc trong tâm” KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 Con nhận ra những vất vả của cha mẹ vì con. Biện pháp tu từ ẩn dụ. “ Nắng mưa” để chỉ những khó khăn vất vả. Nhấn mạnh những nhọc nhằn gian lao vất vả mà cha mẹ đã trải qua để nuôi con khôn lớn trưởng thành. Ca ngợi tình yêu thương đức hy sinh của cha mẹ. Nhấn nhủ mỗi chúng ta phải luôn biết ơn, yêu thương kính trọng cha mẹ Bài thơ không chỉ là lời tự sự của một người con, mà còn là lời nhắc nhở sâu sắc đối với mỗi chúng ta về công ơn trời biển của cha mẹ. Tình yêu thương của cha mẹ là vô điều kiện, không gì có thể sánh bằng. Ngôn ngữ trong bài thơ chân thành và giản dị, dễ gần, gợi nhắc tới những điều gần gũi trong cuộc sống hàng ngày. Nó làm người đọc dễ dàng liên tưởng đến chính trải nghiệm cá nhân, tạo ra một sự đồng cảm sâu sắc về tình yêu thương và bổn phận gia đình. - Khẳng định lại quan điểm đã trình bày * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
	đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay.	4,0
	a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay.	0,5
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. * Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận: Bề mặt Trái Đất có 70% bao phủ là nước, nhưng chỉ có 2,5% trong số đó là nước ngọt tinh khiết con người có thể sử dụng được. Hiện nay, con người đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên nước sạch * Triển khai vấn đề cần nghị luận: Luận điểm 1: Bản chất của tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay - Nước sạch: Là nguồn nước có thể dùng cho sinh hoạt hàng ngày của con người và sản xuất của con người. - Thực trạng nguồn nước sạch đang bị ô nhiễm, đang ngày càng vơi cạn.	1,0

Nuôi con khôn lớn âm thầm chở che

Câu 4(1 điểm): Từ bài thơ trên, em rút ra được bài học ý nghĩa gì? Tại sao?

Phần II: Viết (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Viết đoạn văn khoảng 150 chữ phân tích khổ đầu (4 câu đầu) bài thơ “ Đạo hiếu chưa tròn” của tác giả Hoàng Mai.

Câu 2 (4 điểm): Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về tình

GV: ĐINH THỊ THU HƯƠNG **TRƯỜNG THCS YÊN NHÂN**

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

trạng thiếu nguồn nước sạch trong
cuộc sống của con người hiện nay.

HƯỚNG DẪN CHẤM.

	+ Do chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt môi trường bị mất cân bằng sinh thái... + Sông hồ bị ô nhiễm nặng, hạn hán tăng và kéo dài,... Luận điểm 2: Tác hại, hậu quả của tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay - Ảnh hưởng đến sức khỏe của con người: Mắc các bệnh ngoài da, bệnh ung thư...khi phải tiếp xúc với nguồn nước nhiễm bẩn; không đủ nước uống và sinh hoạt khiến con người gặp rất nhiều khó khăn trong sinh hoạt, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.,. - Ảnh hưởng tới sản xuất: gây ra hạn hán, mất mùa, thiếu nước tưới cho cây trồng, vật nuôi,...trong sản xuất nông nghiệp; ảnh hưởng tới sản xuất ở các khu công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến thực phẩm. * Ý kiến trái chiều: Còn một bộ phận người dân cho rằng nguồn nước ngọt là mãi mãi, không bao giờ cạn nên chưa có ý thức gìn giữ. Hoặc nhiều đất nước chấp nhận ô nhiễm môi trường để ưu tiên phát triển công nghiệp và các ngành kinh tế khác. *Giải pháp cho sự việc: - Đối với mỗi người dân: + Cần có ý thức sử dụng tiết kiệm nguồn nước sạch, có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường. + Tham gia các chiến dịch dọn vệ sinh, bảo vệ môi trường ở địa phương. - Đối với các cơ quan chức năng: + Cần tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân. + Tổ chức trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, tạo nên các thảm thực vật để nâng cao khả năng giữ nước ở bề mặt. + Có chế tài xử phạt nghiêm với những hành vi làm bẩn nguồn nước, gây ô nhiễm môi trường. * Khẳng định ý nghĩa, vai trò của nguồn nước sạch và trách nhiệm của mỗi người.	
	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. - Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5
	đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

KÍ DUYỆT

NGƯỜI SOẠN

GV: ĐINH THỊ THU HƯƠNG

TRƯỜNG THCS YÊN NHÂN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9